

FILMS

SKILLS 1

- director /dɪ'rek.tər/	(n): đạo diễn
- series /'siə.ri:z/	(n): chuỗi, loạt (phim dài tập)
- powerful /'paʊ.ə.fəl/	(adj): hùng mạnh
- wizard /'wɪz.əd/	(n): phù thủy
- receive /rɪ'si:v/	(v): nhận, lĩnh
- a must –see	(n): bộ phim hấp dẫn nên xem
- gripping /'grɪp.ɪŋ/	(adj): hấp dẫn, thú vị
- action /'æk.ʃən/	(n): hành động
- magical /'mædʒ.ɪ.kəl/	(adj): kì diệu, thần kì
- main content /kən'tent/	(n): nội dung chính
- save /seɪv/	(v): cứu, cứu vãn
- hero /'hɪə.rəʊ/	(n): anh hùng
- acting /'æk.tɪŋ/	(n): diễn xuất